

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2021 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách thị xã năm 2022

(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 5 HĐND thị xã khoá VII kèm theo tờ trình số 1639/Tr-UBND của UBND thị xã, ngày 9 tháng 12 năm 2021)

Thực hiện quy định của Luật NSNN năm 2015, UBND thị xã trình HĐND thị xã Báo cáo tình hình thực hiện thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2021 và Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2022 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND thị xã về nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2021, UBND thị xã đã tập trung chỉ đạo, chủ động tích cực trong công tác điều hành thu chi ngân sách. Trong năm, công tác thu chi NSNN đã đảm bảo các nhiệm vụ chủ yếu và đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ phát sinh. Cụ thể như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 của thị xã ước thực hiện là 283.440 triệu đồng đạt 138% so với dự toán năm và bằng 104,3% so với thực hiện năm 2020.

1. Thu NSNN trên địa bàn:

a) Kết quả thực hiện:

Số thu NSNN trên địa bàn năm 2021 ước thực hiện là 135.501 triệu đồng (trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 125.431 triệu đồng), đạt 179% dự toán năm và bằng 138,1% so với thực hiện năm 2020, bao gồm:

- Các khoản thu do ngành thuế quản lý : Ước thực hiện là 65.257 triệu đồng, (trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 65.140 triệu đồng), đạt 193% dự toán năm và bằng 151,8% so với thực hiện năm 2020.

- Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện là 67.000 triệu đồng (trong đó ngân sách thị xã được hưởng 60.300 triệu đồng) đạt 168% dự toán năm và bằng 126,4% so với thực hiện năm 2020

- Thu khác ngân sách: ước thực hiện là 3.244 triệu đồng (trong đó ngân sách thị xã được hưởng là 597 triệu đồng), đạt 176% dự toán năm và bằng 133,66% so với thực hiện năm 2020

b) Đánh giá nguyên nhân kết quả đạt được:

Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài, tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn cũng gặp nhiều khó khăn nhưng UBND thị xã

cũng đã tập trung chỉ đạo các cơ quan liên quan tích cực chủ động trong công tác quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn. Bên cạnh việc làm tốt công tác hỗ trợ, hướng dẫn giải quyết việc kê khai nộp tiền thuê đất, thuế TNCN, lệ phí trước bạ nhanh chóng, đúng quy định; các cơ quan chuyên môn còn tích cực rà soát, đôn đốc các tổ chức cá nhân nộp kịp thời vào NSNN. Nhờ vậy năm 2021, số thu ngân sách từ nguồn thu thuế, phí và lệ phí tăng cao, hầu hết các khoản thu đều hoàn thành vượt dự toán đã giao đầu năm, cụ thể như sau:

+ **Thu từ khu vực ngoài quốc doanh:** Ước thực hiện của nguồn thu này là 24.750 triệu đồng đạt 130% dự toán năm. Do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tình hình sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp khó khăn. Mặt khác Chính phủ cũng đã triển khai thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế nên số thu của các doanh nghiệp trên địa bàn dự kiến đạt thấp, ước thực hiện năm 2021 khoảng 11.500 triệu đồng, chiếm 72% trong tổng số thu từ doanh nghiệp nhưng chỉ đạt 55,4% dự toán UBND thị xã giao đầu năm (*dự toán giao là 20.745 triệu*). Tuy nhiên trong năm, trên địa bàn đã thu từ hoạt động xây lắp điện gió của hai doanh nghiệp là Công ty CP INVEST và Công ty CP ATZ ASIA thuế GTGT và thuế TNDN đạt trên 10 tỷ đồng, vì vậy đã bù đắp được số hụt thu do ảnh hưởng của dịch bệnh và vượt dự toán được giao.

+ **Thu lệ phí trước bạ:** Ước thực hiện của nguồn thu này là 14.500 triệu đồng đạt 173% dự toán năm. Khoản thu này tăng cao là do trong năm hoạt động chuyển nhượng nhà đất tăng, đồng thời chính sách thuế nhập khẩu đối với ô tô có thay đổi nên đã khuyến khích được nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân.

+ **Thuế TNCN:** Ước thực hiện cả năm là 8.850 triệu đồng đạt 295% dự toán năm. Mặc dù nhiều hộ kinh doanh đã được miễn, giảm thuế do ảnh hưởng của dịch bệnh, nguồn thu vẫn sụt giảm nhiều, nhưng khoản thu này vẫn tăng cao. Nguyên nhân là do: bên cạnh việc thu thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khoản thu này cũng được bổ sung từ việc thu thuế hóa đơn lẻ của các hộ kinh doanh tham gia dự án điện gió (khoảng gần 2,3 tỷ).

+ **Thu phí và lệ phí :** Năm 2021, khoản thu này vượt dự toán đầu năm 250 triệu đồng , chủ yếu ở ngân sách cấp huyện. Nguyên nhân là do các đơn vị đã tích cực thực hiện thu đúng, thu đủ các khoản thu được giao. Mặt khác việc phân cấp, giao dự toán phù hợp với tình hình thu trên địa bàn, nên việc thực hiện đảm bảo kế hoạch đầu năm.

+ **Thu tiền cho thuê đất:** Số thu ước thực hiện là 14.700 triệu đồng, vượt dự toán được giao 13.400 triệu đồng. Khoản thu này đảm bảo dự toán theo số lập bộ, phần tăng là do phát sinh một doanh nghiệp đã nộp tiền thuê đất một lần (*Công ty Cổ phần Trung Khởi đã nộp 13.180 triệu đồng*),

+ **Khoản thu tiền sử dụng đất:** Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch, ngay từ đầu năm thị xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung triển khai kịp thời các quy trình thủ tục để thực hiện việc đấu giá đất ở các khu vực đã quy hoạch. Khắc phục các khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, các cơ quan đơn vị đã tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, vì vậy số thu dự kiến vượt dự toán đề ra gần 27.000 triệu đồng.

+ **Thu khác:** Số thu khác ước thực hiện là 3.244 triệu đồng đạt 213% dự toán năm. Phần ngân sách thị xã được hưởng là 597 triệu đồng đạt 60% dự toán giao. Nguyên nhân là do dự toán tính giao khoản thu khác cao (1.000 triệu đồng), trong khi nguồn thu

trên địa bàn không phát sinh. Nếu trừ đi khoản thu nộp cổ tức của Cty CP CT môi trường đô thị thì số thu khác là 357 triệu đồng chỉ đạt 36% dự toán năm.

1. Thu NSNN trên địa bàn:

a) Các khoản thu được hưởng theo phân cấp:

Ước thực hiện là 125.431 triệu đồng đạt 180% dự toán HĐND thị xã giao (*trong đó số thu tiền sử dụng đất là 60.300 triệu đồng*), bao gồm:

- Các khoản thu hưởng 100%: 16.084 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 15.868 triệu đồng, ngân sách xã là 216 triệu đồng

- Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 109.347 triệu đồng, trong đó ngân sách cấp huyện là 102.616 triệu đồng, ngân sách xã là 6.731 triệu đồng.

Nếu trừ đi số thu tiền sử dụng đất, thì số thu ngân sách trên địa bàn năm 2021 ngân sách thị xã được hưởng là 65.131 triệu đồng đạt 192,8% dự toán năm, trong đó ngân sách cấp huyện là 58.184 triệu đồng đạt 192,3% dự toán năm (*tuong ứng với số vượt thu là 27.925 triệu đồng*), ngân sách cấp xã là 6.947 triệu đồng đạt 196,7,7% dự toán năm (*tuong ứng với số vượt thu là 3.416 triệu đồng*).

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: Ước thực hiện cả năm 2021 là 124.803 triệu đồng (*trong đó bổ sung cân đối: 101.504 triệu*), đạt 92% dự toán và bằng 96,6% so với thực hiện năm 2020.

Số thu bổ sung có mục tiêu không đạt dự toán giao đầu năm do khoản thu từ đầu giá tài sản chưa triển khai thực hiện được (dự toán giao là 24.000 triệu đồng). Nguyên nhân là do các ban ngành cấp tỉnh đang tiến hành một số quy trình thủ tục theo quy định về quản lý tài sản để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phân tăng thêm của kinh phí bổ sung có mục tiêu là 13.694 triệu đồng (*dự toán là 9.605 triệu, thực hiện là 23.299 triệu đồng*) để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 50 triệu đồng (*CT xây dựng NT mới*);

- Kinh phí phòng chống dịch Covid-19: 2.423 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện chế độ an sinh xã hội: 2.904 triệu đồng (*bao gồm tiền điện hộ nghèo, miễn giảm học phí, tiền ăn cho trẻ 3-5 tuổi, trợ cấp đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ hộ chăn nuôi...*);

- Kinh phí khắc phục hậu quả bão lụt năm: 3.171 triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ bầu cử: 930 triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ diễn tập: 500 triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ các trường học: 2.000 triệu đồng

- Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ phát sinh khác: 1.716 triệu đồng (*kinh phí dự án Lramp, hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, hỗ trợ HTX, hỗ trợ cây trồng chủ lực...*)

c) Thu kết dư: 3,6 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 0 đồng, ngân sách xã là 3,6 triệu đồng

d) Thu chuyên nguồn: 33.202 triệu đồng, trong đó ngân sách thị xã 30.567 triệu đồng, ngân sách xã là 2.635 đồng, chủ yếu là kinh phí thực hiện cải cách tiền lương.

3. Các khoản thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và bão lụt nên hầu hết các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công bị hụt thu. UBND thị xã đã chỉ đạo các đơn vị rà soát để cắt giảm các khoản chi tương ứng và tìm nguồn bù đắp các khoản chi đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai tại đơn vị.

Tóm lại: Thu nội địa năm 2021 (đã trừ khoản thu tiền sử dụng đất và các khoản thu có mục tiêu) đã hoàn thành vượt dự toán được giao. Trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh nặng nề, việc thực hiện hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách năm 2021 đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo nguồn lực tài chính cho các cơ quan đơn vị thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao. Đây chính là kết quả của việc chỉ đạo sâu sát của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã và sự vào cuộc đồng bộ của toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là những nỗ lực, cố gắng lớn của cơ quan Thuế, Tài chính và các đơn vị liên quan.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Năm 2021, chi NSNN địa phương ước thực hiện là 279.155 triệu đồng đạt 136% dự toán được giao, bao gồm các khoản chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Năm 2021, số chi trong cân đối là 59.499 triệu đồng, đạt 152 % kế hoạch năm, trong đó thanh toán bằng nguồn XDCB tập trung là 3.202 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất 56.297 triệu đồng. Số chi XDCB từ ngân sách thị xã là 56.196 triệu đồng, ngân sách các xã phường là 2.583 triệu đồng. Trong năm, mặc dù số thu từ thanh lý tài sản chưa thực hiện được nhưng các công trình trong kế hoạch đầu tư công vẫn được đảm bảo số vốn theo kế hoạch. Để đảm bảo nguồn ngân sách, UBND thị xã đã rà soát thực hiện cắt giảm một số dự án, nhiệm vụ chưa triển khai đồng thời điều chỉnh nguồn kinh phí từ kết dư, tăng thu tiền sử dụng đất, để đảm bảo kế hoạch vốn.

2. Chi thường xuyên:

Số chi thường xuyên năm 2021 ước thực hiện là 136.559 triệu đồng đạt 106% dự toán năm. Phần tăng thêm so với dự toán chủ yếu do thực hiện các nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, bão lụt, hỗ trợ bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, diễn tập và một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh.... Phần chi tăng thêm để thực hiện các khoản chi trên được sử dụng từ các nguồn sau:

- Nguồn dự phòng ngân sách 3.013 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách thị xã là 2.628 triệu đồng thực hiện các nhiệm vụ sau: chi phòng chống dịch bệnh Covid -19, dịch bệnh gia súc 1.975 triệu đồng, chi phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ 412 triệu đồng, KP thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của các cơ quan đơn vị là 241 triệu đồng.

+ Ngân sách xã, phường 385 triệu đồng (chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ chi phục vụ bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp và phòng chống dịch bệnh)

- Các nguồn ngân sách khác: 4.449 triệu đồng (gồm các nguồn: tăng thu và tiết kiệm chi năm 2020, Nguồn CCTL, kinh phí chuyển nguồn...)

Trong năm, các nhiệm vụ chi thường xuyên đều hoàn thành vượt mức dự toán được giao, công tác điều hành chi ngân sách chủ động và linh hoạt, đáp ứng kịp thời nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương như: Bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, diễn tập khu vực phòng thủ, công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả bão lụt v.v.. Các chế độ an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia được đảm bảo kịp thời, đúng chế độ, tiêu chuẩn hiện hành. Đặc biệt thị xã đã chủ động được toàn bộ nguồn kinh phí để thực hiện các chế độ hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh bị tác động do dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68 của Chính phủ, các chế độ hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn ở một số tỉnh miền Nam và các chế độ phục vụ khu cách ly tập trung. Tuy nhiên do yêu cầu của một số nhiệm vụ quy hoạch đô thị, bảo vệ môi trường (*điện chiếu sáng, hoạt động xử lý nước thải...*), sửa chữa trụ sở, các công trình thiết yếu của các cơ quan, đơn vị lớn; trong khi đó kinh phí nguồn sự nghiệp kinh tế, môi trường được tỉnh phân cấp hạn chế nên một số nhiệm vụ chi vẫn còn bị động, thiếu nguồn để thanh toán.

3. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: 50 triệu đồng (chương trình xây dựng NTM).
- Chi các chương trình nhiệm vụ khác: 23.249 triệu đồng bằng 69%% dự toán năm. Số chi không đạt dự toán giao đầu năm do chưa thu được nguồn thanh lý tài sản.

4. Chi chuyển nguồn: ước thực hiện năm 2021 là 59.798 triệu đồng, chủ yếu là nguồn kinh phí thực hiện CCTL còn lại tiếp tục chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định và số tăng thu năm 2021 để bổ sung các nhiệm vụ năm 2022.

5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã: Ước thực hiện là 23.879 triệu đồng, *bổ sung cân đối 16.594 triệu, BS có mục tiêu: 7.285 triệu đồng*). Số bổ sung có mục tiêu tăng cao là do năm nay thị xã đã chuyển nguồn thu từ đầu giá quỹ đất nhỏ lẻ và phân cấp cho các xã phường quản lý.

Tóm lại: Trong điều kiện nguồn thu còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo các cấp và sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan chuyên môn nên các nhiệm vụ chi vẫn được đảm bảo và cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Trong năm, thực hiện các quy định về điều hành ngân sách của Chính phủ và Bộ Tài chính, UBND thị xã cũng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc tiết kiệm chi theo quy định để bổ sung nguồn cải cách tiền lương, cắt giảm các nhiệm vụ không cần thiết để bù hụt thu; thực hiện việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí được giao đảm bảo theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên do nguồn thu nhỏ, thiếu ổn định; định mức chi thường xuyên của đơn vị HCSN thấp, số tiết kiệm nhiều nên việc điều hành ngân sách có lúc vẫn còn bị động, lúng túng. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi tiêu tiếp khách, kỷ niệm gặp mặt, mua sắm, sử dụng tài sản thiết bị vẫn phòng trong một số cơ quan đơn vị vẫn chưa thực hiện triệt để.

PHẦN THỨ II.

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Căn cứ quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TW, tỉnh; trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2021 của thị xã, Dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- Quán triệt yêu cầu thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của thị xã và các chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành

- Việc xây dựng dự toán phải đảm bảo mục tiêu: hoàn thành dự toán thu ngân sách Tỉnh giao để đảm bảo cân đối các nhiệm vụ chi của địa phương trong năm, nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách, đảm bảo kế hoạch vốn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới 2022- 2025, do đó dự toán chi ngân sách thị xã năm 2021 được xây dựng và phân bổ trên cơ sở định mức theo quy định mới của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và các chế độ chính sách, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành.

Trên nguyên tắc đó, Dự toán thu chi ngân sách năm 2022 được dự kiến như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Tổng thu ngân sách năm 2022 của thị xã dự kiến là: 217.346 triệu đồng, bằng 128,3% so với dự toán tỉnh giao năm 2022 và bằng 77% so với dự toán thị xã giao năm 2021.

1. Thu NSNN trên địa bàn: Tổng thu NSNN trên địa bàn là 102.700 triệu đồng (trong đó phân cấp ngân sách thị xã hưởng là 97.230 triệu đồng), cụ thể như sau:

- **Các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí:** Năm 2022 HĐND tỉnh giao cho thị xã các khoản thu từ thuế, phí và lệ phí là 37.700 triệu đồng, tăng so với dự toán giao năm 2021 là 2.190 triệu đồng. Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, UBND thị xã dự kiến lập kế hoạch thu năm 2022 bằng dự toán tỉnh giao. *(Chi tiết các khoản thu dự kiến giao theo phụ lục 16 kèm theo)*

- **Thu tiền sử dụng đất:** Số giao thu dự kiến là 65.000 triệu đồng tăng 45.000 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao. Theo quy định của Nghị quyết HĐND thời kỳ ổn định NS 2017-2020 số thu từ tiền sử dụng đất điều tiết cho ngân sách tỉnh 5% (3.250 triệu đồng), ngân sách thị xã được sử dụng là 61.750 triệu đồng

- **Thu khác ngân sách:** số giao thu là 1.700 triệu đồng *(trong đó cân đối cho ngân sách thị xã là 500 triệu đồng, giảm hơn so với năm 2021 là 500 triệu đồng)*. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của địa phương trong năm tới UBND thị xã dự kiến giao số thu khác bằng dự toán tỉnh giao, gồm các khoản thu cụ thể như sau:

+ Thu khác ngân sách TW, tỉnh: 1.200 triệu đồng

+ Thu cho thuê tài sản, thu khác tại thị xã: 420 triệu đồng

+ Thu khác tại xã, phường: 80 triệu đồng

2. Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu NSDP năm 2022 dự kiến là: 217.346 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Thu NSNN trên địa bàn được hưởng theo phân cấp: 97.230 triệu đồng, bao gồm:

- Thu NSDP hưởng 100%: 1.819 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện là 1.739 triệu đồng, ngân sách xã là 80 triệu đồng).

- Thu NSDP được hưởng theo tỷ lệ phân chia là 95.411 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp huyện là 91.630,5 triệu đồng, ngân sách xã là 3.780,5 triệu đồng), tăng hơn so dự toán HĐND tỉnh giao là 42.750 triệu đồng (thu tiền sử dụng đất).

b) Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh: 110.749 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối: 109.329 triệu đồng

- Bổ sung có mục tiêu: 5.648 triệu đồng. Số bổ sung có mục tiêu NS tỉnh giao năm 2022 (không tính chế độ chính sách) giảm hơn so với năm 2021 là 4.250 triệu đồng.

b) Thu chuyển nguồn: 5.139 triệu đồng (khoản thu chuyển nguồn từ nguồn tăng thu 2021)

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi NSNN địa phương quản lý: 217.346 triệu đồng, bao gồm các khoản chi sau: (Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

1. Chi đầu tư phát triển:

- Tổng chi đầu tư phát triển năm 2021 dự kiến là 67.262 triệu đồng, Bao gồm:

+ Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất là : 61.750 triệu đồng;

+ Chi XDCB từ nguồn tỉnh phân cấp là 5.512 triệu đồng;

2. Chi thường xuyên:

a) Về Dự toán chi thường xuyên:

Dự toán chi 2022 là 135.751 triệu đồng (đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL), bao gồm:

- Ngân sách cấp huyện: 115.884 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 63.618 triệu đồng, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là 7.730 triệu đồng.

- Ngân sách cấp xã: 19.867 triệu đồng, trong đó chi sự nghiệp GD &ĐT là 225 triệu đồng

b) Về nguồn đảm bảo dự toán chi thường xuyên:

* Nguồn kinh phí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh giao: 130.098 triệu đồng

* Nguồn kinh phí trong dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách tỉnh giao: 514 triệu đồng (Kinh phí hỗ trợ nhiệm vụ ứng dụng và phát triển tiềm lực KH-CN)

* Nguồn kinh phí từ thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang 5.139 triệu đồng

Do nguồn ngân sách năm 2022 do dự toán tỉnh giao hạn chế, vì vậy UBND thị xã xây dựng phương án đề nghị HĐND thị xã cho phép chuyển nguồn khoản tăng thu năm 2021 là 5.139 triệu đồng để bổ sung cho một số nhiệm vụ chi thường xuyên theo khoản 2, Điều 59 Luật ngân sách nhà nước 2015. Việc sử dụng nguồn thu này nhằm đảm bảo cho thị xã chủ động các nhiệm vụ chi trong phòng chống dịch bệnh Covid -19, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức xã hội đặc thù thực hiện theo kế hoạch của địa phương, một số dự án thiết yếu phục vụ công tác bảo vệ môi trường và các nhiệm vụ theo đề án đã được HĐND thông qua.

3. Dự phòng NS: 3.276 triệu đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao (bao gồm ngân sách thị xã: 2.849 triệu đồng, ngân sách xã, phường 427 triệu đồng).

4. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 4.228 triệu đồng (đây là khoản 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo dự toán tỉnh giao)

5. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 6.819 triệu đồng, bao gồm:

a) Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu

- Số chi từ nguồn NS tỉnh bổ sung có mục tiêu là 5.611 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách thị xã: 5.406 triệu đồng (trong đó hỗ trợ xây dựng đô thị loại 3 là 4.000 triệu đồng)

+ Ngân sách xã, phường: 205 triệu đồng, (phụ cấp công an xã và kinh phí chăm sóc các di tích lịch sử)

b) Chi từ nguồn ngân sách thị xã bổ sung cho xã, phường: 1.423 triệu đồng (bao gồm các nhiệm vụ: mua sắm thiết bị làm việc, hỗ trợ ĐH nhiệm kỳ các đoàn thể, bầu cử khu phố trưởng, ĐH chi bộ trực thuộc....,)

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

6. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường: dự kiến số bổ sung ngân sách cho ngân sách xã phường năm 2022 là 17.856,5 triệu đồng, trong đó bổ sung cân đối là 16.433,5 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu là 1.423 triệu đồng.

III. Một số biện pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 2022.

1. Về thu ngân sách:

- Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2021, các cơ quan, đơn vị và UBND xã, 1 phường đánh giá đúng những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan để có những giải pháp quản lý thu hiệu quả, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2022 để phấn đấu tăng thu để đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để rà soát, đối chiếu xác định các tổ chức, cá nhân đang sản xuất kinh doanh để quản lý thuế, kịp thời quản lý các hộ kinh doanh theo mùa vụ;

- Tổ chức thu đúng, thu đủ các khoản thu vào NSNN. Thu hồi kịp thời các khoản truy thu theo kết luận của cơ quan chức năng và cơ quan thuế. Tăng cường công tác phòng, chống gian lận thương mại; công tác quản lý, kiểm tra thuế ở các doanh nghiệp nhằm bảo đảm nguồn thu bổ sung cân đối cho các xã phường và hoàn thành dự toán được giao.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong ngành Tài chính, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế, nhất là việc thu thuế của các doanh nghiệp ngoại tỉnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Đối với khu vực ngoài quốc doanh: Phân loại để có biện pháp quản lý thích hợp, gắn trách nhiệm của chính quyền phường, xã trong việc chăm lo khai thác và quản lý nguồn thu ngân sách, chống thất thu để đáp ứng nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã.

- Xây dựng kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất ở các khu vực đã quy hoạch, đầu giá tài sản được thanh lý để chủ động nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trong danh mục XDCCB đã thông qua.

2. Về chi ngân sách:

Dự toán chi năm 2022 phân bổ cho các cơ quan đơn vị mới cơ bản đáp ứng các khoản chi theo chế độ chính sách, trong khi nhu cầu chi của các cơ quan đơn vị là rất lớn. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, các cơ quan đơn vị cần tập trung một số biện pháp sau:

- Tiếp tục quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước trong quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện nghiêm túc các quy định về giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và tài chính đối với cơ quan HCSN.

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc quản lý, sử dụng ngân sách theo đúng Luật ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức đã ban hành. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí lễ hội, khánh tiết, hội nghị, tiếp khách... Thủ trưởng các cơ quan đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc quyết định chi không đúng chế độ, sử dụng kinh phí trái quy định. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để chấn chỉnh và xử lý nghiêm minh, kịp thời các sai phạm trong quản lý ngân sách nhà nước.

- Cơ quan Tài chính và Kho bạc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhưng vẫn đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định.

- Các cơ quan đơn vị chủ động tính toán, sử dụng nguồn ngân sách đã được giao để đảm bảo các nhiệm vụ mới phát sinh, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán. Việc xem xét bổ sung kinh phí ngoài kế hoạch cho các cơ quan đơn vị chỉ thực hiện từ quý III, trừ trường hợp cấp bách (thiên tai, dịch bệnh...) trên diện rộng, mức độ nghiêm trọng. Không bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ chính sách mới đặc thù riêng phát sinh trong năm 2022 mà chưa cân đối được nguồn kinh phí

Trên đây là tình hình thu chi Ngân sách năm 2021 và dự kiến dự toán thu chi NSNN năm 2022 của thị xã, UBND thị xã Quảng Trị báo cáo HĐND thị xã khoá VII, kỳ họp thứ 5 để xem xét thông qua. *ym*

Nơi nhận:

- TT Thị uỷ (b/c); *ym*
- TT HĐND (B/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- Ban kinh tế - xã hội HĐND thị xã
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Các đại biểu HĐND thị xã,
- Trang thông tin điện tử thị xã
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Mai Anh

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 295 /BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	204.899	283.440	78.541	138
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	69.790	125.431	55.641	180
-	Thu NSDP hưởng 100%	2.659	16.084	13.425	605
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	67.131	109.347	42.216	163
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.109	124.803	-10.306	92
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	101.504	101.504	0	100
3	Thu bổ sung có mục tiêu	33.605	23.299	-10.306	69
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	50		
-	Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	33.605	23.249	-10.356	69
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Thu kết dư	0	4	4	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	33.202	33.202	
B	TỔNG CHI NSDP	204.899	279.155	74.256	136
I	Tổng chi cân đối NSDP	171.294	196.058	24.764	114
1	Chi đầu tư phát triển	39.202	59.499	20.297	152
2	Chi thường xuyên	129.079	136.559	7.480	106
3	Dự phòng ngân sách	3.013	0	-3.013	0
4	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	0	0	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	33.605	23.299	-10.306	69
-	Chi các CT mục tiêu quốc gia	0	50	50	
-	Chi các CT mục tiêu nhiệm vụ khác	33.605	23.249	-10.356	69
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	59.798	59.798	

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021(Kèm theo báo cáo số 295./BC-UBND ngày 16 Tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước TH năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	75.510	69.790	135.501	125.431	179	180
I	Thu nội địa	75.510	69.790	135.501	125.431	179	180
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	0	0	110	110		
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	18.990	18.990	24.750	24.750	130	130
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.000	3.000	8.850	8.850	295	295
4	Lệ phí trước bạ	8.390	8.390	14.500	14.500	173	173
5	Thu phí, lệ phí	1.920	900	2.000	1.150	104	128
-	<i>Phí và lệ phí trung ương. Tỉnh</i>	<i>1.020</i>	<i>0</i>	<i>850</i>	<i>0</i>		
-	<i>Phí và lệ phí huyện</i>	<i>608</i>	<i>608</i>	<i>890</i>	<i>890</i>	<i>146</i>	<i>146</i>
-	<i>Phí và lệ phí xã, phường</i>	<i>292</i>	<i>292</i>	<i>260</i>	<i>260</i>	<i>89</i>	<i>89</i>
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10	10	0	0	0	0
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	200	180	180	90	90
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.300	1.300	14.700	14.700	1.131	1.131
9	Thu tiền sử dụng đất	40.000	36.000	67.000	60.300	168	168
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước	0	0				
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	167	50		
12	Thu khác ngân sách	1.700	1.000	3.000	597	176	60
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi			5	5		
14	Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế			239	239		
II	Thu từ đầu thô						

Ghi chú: Thu NSNN trên địa bàn, thu NSDP cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 2.95...../BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	204.899	279.155	74.256	136
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	171.294	196.058	24.764	114
I	Chi đầu tư phát triển	39.202	59.499	20.297	152
1	Chi đầu tư cho các dự án	34.103	58.789	24.686	172
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	778	1.623	845	
+	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	32.873	55.714	22.841	169
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tỉnh cân đối	1.230	2.492	1.262	203
+	Chi từ nguồn khác	0	283	283	
2	Chi hỗ trợ vốn cho các đn theo quy định	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	5.099	710	-4.389	14
II	Chi thường xuyên	129.079	136.559	7.480	106
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	63.012	63.313	301	100
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0		
III	Dự phòng ngân sách	3.013	0	-3.013	
IV	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0		0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	33.605	23.299		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	50	50	
-	Chương trình XDNTM	0	50	50	
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	0		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	33.605	23.249	-10.356	69
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã (đã trừ KP xây dựng tiêu chuẩn ISO)	400	400	0	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện các nhiệm vụ không cân đối đủ nguồn	4.500	4.500	0	100
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý tài sản	24.000	0	-24.000	0
	Hỗ trợ XD thị xã XD đô thị loại 3	2.000	2.000	0	100
	Hỗ trợ công tác chỉnh trang đô thị	1.000	1.000	0	100
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	5	0	100
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	350	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hđ thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	KP hỗ trợ khắc phục bão lụt năm 2020		3.171	3.171	
-	KP sửa chữa các trường học		2.000	2.000	
-	Kinh phí hỗ trợ các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi		29	29	
-	Hỗ trợ lại suất vốn vay khôi phục đàn lợn sau dịch tả Châu Phi		35	35	
-	KP chi trả cho đối tượng BTXH	0	2.500	2.500	
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	250	250	0	
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018		39	39	
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		195	195	
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí		242	242	
	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-4 tuổi		29	29	
	KP hỗ trợ học tập theo Thông tư 42		24	24	
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực		126	126	
-	Bố trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018		387	387	
-	KP bổ sung nguồn vốn hoạt động HTX kiểu mới		20	20	
-	KP thực hiện công tác tiếp nhận, cách ly công dân phòng chống bệnh Covid- 19		2.423	2.423	
	KP hỗ trợ bầu cử QH và HĐND		930	930	
-	KP hỗ trợ diễn tập khu vực phòng thủ		500	500	



Handwritten signature or initials in blue ink.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
	KP hỗ trợ lễ phát động tết trồng cây		988	988	
-	KP hỗ trợ nộp BHXH cho GV mầm non		6	6	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	<i>0</i>	59.798	59.798	
				0	

ld





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 2.95... /BC-UBND ngày 16... tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	3	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	204.899	283.440	217.346	-66.094	77
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	69.790	125.431	97.230	-28.201	78
-	Thu NSDP hưởng 100%	2.659	16.084	1.819	-14.265	11
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	67.131	109.347	95.411	-13.936	87
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.109	124.803	114.977	-9.826	132
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	101.504	101.504	109.329	7.825	108
2	Thu bổ sung có mục tiêu	33.605	23.299	5.648	-17.651	24
	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	50	0		
	Chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	33.605	23.249	5.648		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	0	0
IV	Thu kết dư	0	4	0	-4	0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	33.202	5.139	-28.063	15
B	TỔNG CHI NSDP	204.899	279.155	217.346	12.447	106
I	Tổng chi cân đối NSDP	171.294	196.058	210.517	39.223	123
1	Chi đầu tư phát triển	39.202	59.499	67.262	28.060	172
2	Chi thường xuyên	129.079	136.559	135.751	6.672	105
3	Dự phòng ngân sách	3.013	0	3.276	263	109
4	Chi tạo nguồn CCTL		0	4.228	4.228	0
II	Chi các chương trình mục tiêu	33.605	23.299	6.829	-26.776	20
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	50	0	0	0
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	33.605	23.249	6.829	-26.776	20
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	59.798	0	0	0

Ghi chú: Đối với các chi tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chi tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 295.../BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước TH năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	135.501	125.431	102.700	97.230	76	78
I	Thu nội địa	135.501	125.431	102.700	97.230	76	78
1	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	110	110	0	0	0	0
2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	24.750	24.750	18.700	18.700	76	76
3	Thuế thu nhập cá nhân	8.850	8.850	5.200	5.200	59	59
4	Lệ phí trước bạ	14.500	14.500	9.000	9.000	62	62
5	Thu phí, lệ phí	2.000	1.150	1.580	560	79	49
-	Phí và lệ phí TW. Tỉnh	850	0	1.020	0	120	
-	Phí và lệ phí huyện	890	890	560	560	63	63
-	Phí và lệ phí xã, phường	260	260			0	0
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180	180	220	220	122	122
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	14.700	14.700	1.300	1.300	9	9
9	Thu tiền sử dụng đất	67.000	60.300	65.000	61.750	97	102
10	Tiền cho thuê và tiền bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước						
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	167	50	0	0	0	0
12	Thu khác ngân sách	3.000	597	1.700	500	57	84
13	Thu từ hoa lợi và quỹ đất công ích	5	5	0	0		
14	Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế	239	239				
II	Thu từ dầu thô						

Ghi chú :

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương cấp huyện, xã không có thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước, chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Thu chênh lệch thu, chi Ngân hàng Nhà nước chỉ áp dụng đối với thành phố Hà Nội.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 295/BC-UBND ngày 16 Tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	204.899	217.346	12.447	106
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	171.294	211.735	40.441	124
I	Chi đầu tư phát triển	39.202	67.262	28.060	172
1	Chi đầu tư cho các dự án	34.103	67.262	33.159	197
-	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			0	
+	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	778		-778	0
+	Chi khoa học và công nghệ				
-	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			0	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	32.873	61.750	28.877	188
+	Chi đầu tư từ nguồn NS tinh cân đối	1.230	5.512	4.282	448
2	Chi hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định	0		0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	5.099	0	-5.099	0
II	Chi thường xuyên	129.079	136.969	7.890	106
	Trong đó:			0	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	63.012	63.843	831	101
2	Chi khoa học và công nghệ	0		0	
III	Chi tạo nguồn CCTL (10% tiết kiệm chi thường xuyên)	0	4.228	4.228	
IV	Dự phòng ngân sách	3.013	3.276	263	109
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	33.605	5.611	-27.994	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
-	Chương trình XDNTM	0	0		
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ NS tính bổ sung	33.605	5.611	-27.994	17

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200	0	100
-	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã	400	0	-400	0
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện các nhiệm vụ không cân đối đủ nguồn (nông thôn mới, sửa chữa, nâng cấp các trường học...)	4.500	0	-4.500	0
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý trụ sở các đơn vị	24.000	0	-24.000	0
-	Hỗ trợ xây dựng thị xã đạt đô thị loại III	2.000	4.000	2.000	200
-	Hỗ trợ công tác chỉnh trang đô thị	1.000	0	-1.000	0
-	KP hoạt động tăng thêm của banTTNN	5	0	-5	0
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	0	-350	0
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400	0	100
-	Hỗ trợ hoạt động thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	500	0	100
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	250	0	-250	0
	Phụ cấp Công an xã và các CS khác		115	115	
-	Hỗ trợ KP ứng dụng CNTT trong quản lý ngân sách	0	396	396	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		0	

26

DANH GIA THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TÙNG XÁ, PHƯỜNG NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số **295** /BC-UBND ngày **16** tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2021				Ước thực hiện năm 2021				So sánh (%)			
		Tổng	Thu nội địa		Trong đó địa phương được hưởng	Tổng	Thu nội địa		Trong đó địa phương được hưởng	Tổng	Thu nội địa	Thu từ	
			2	3			4	5				6	7
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	9.911	6.380	3.531	0	49.889	42.942	6.947	0	782	673		
1	Phường 1	1.856	1.205	651		23.341	21.919	1.422		1.937	1.819		
2	Phường 2	4.015	2.610	1.405		17.372	15.077	2.295		666	578		
3	Phường 3	3.260	2.110	1.150		5.425	3.548	1.877		257	168		
4	Phường An Đôn	410	255	155		3.203	2.064	1.139		1.256	809		
5	Xã Hải Lệ	371	200	171		549	334	215		275	167		



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN TÙNG XÁ, PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 295 /BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Bao gồm													
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa	1. Thu từ DNNN do địa phương quản lý	2. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3. Lệ phí trước bạ	4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5. Các loại phí và lệ phí	6. Thu tiền sử dụng đất	7. Thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	8. Thu tiền thuế đất	9. Thuế thu nhập cá nhân	10. Thu khác	11. Thu từ hoa lợi công ích	
A	B	1	2	3	4	5									
	TỔNG SỐ	42.942,0	42.942,0	0,0	3.504,0	2.214,0	180,0	326,0	30.143,0	0,0	0,0	6.424,0	146,0	5,0	
1	Phường 1	21.919,0	21.919,0		1.048,0	372,0	56,0	52,0	19.262,0			1.124,0	5,0		
2	Phường 2	15.077,0	15.077,0		1.402,0	621,0	24,0	158,0	10.798,0			2.040,0	34,0		
3	Phường 3	3.548,0	3.548,0		825,0	573,0	62,0	85,0	83,0			1.840,0	80,0		
4	P. An Đôn	2.064,0	2.064,0		170,0	516,0	30,0	13,0				1.330,0	5,0		
5	Xã Hải Lệ	334,0	334,0		59,0	132,0	8,0	18,0				90,0	22,0	5,0	

Ghi chú : (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.

**ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Kèm theo báo cáo số 295 /BC-UBND ngày 16...tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	201.368	273.855	72.487	136
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	66.259	118.484	52.225	179
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	135.109	124.803	-10.306	92
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>101.504</i>	<i>101.504</i>	<i>0</i>	<i>100</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>33.605</i>	<i>23.299</i>	<i>-10.306</i>	<i>69</i>
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)	0	0	0	
4	Thu kết dư	0	0	0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	30.568	30.568	
II	Chi ngân sách	201.368	269.589	68.221	134
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	184.109	191.025	6.916	104
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	17.259	23.879	6.620	138
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>16.594</i>	<i>16.594</i>	<i>0</i>	<i>100</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>	<i>665</i>	<i>7.285</i>	<i>6.620</i>	<i>1.095</i>
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	54.685	54.685	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	0		0	
B	NGÂN SÁCH XÃ			0	
I	Nguồn thu ngân sách	20.790	33.465	12.675	161
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	3.531	6.947	3.416	197
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.259	23.879	6.620	138
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>16.594</i>	<i>16.594</i>	<i>0</i>	<i>100</i>
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>665</i>	<i>7.285</i>	<i>6.620</i>	<i>1.095</i>
3	Thu kết dư	0	4	4	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	2.635	2.635	
II	Chi ngân sách	20.790	33.445	12.655	161
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	20.790	28.332	7.542	136
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	5.113	5.113	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 295.../BC-UBND ngày 6 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2021	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	204.899	184.109	20.790	279.155	245.710	33.445	136	133	161
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	171.294	151.169	20.125	196.058	171.749	24.309	114	114	121
I	Chi đầu tư phát triển	39.202	39.202	0	59.499	56.916	2.583	152	145	
1	Chi đầu tư cho các dự án	34.103	34.103	0	58.789	56.206	2.583	172	165	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	778	778		0			0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	32.873	32.873		53.714	53.714		163	163	
-	Chi đầu tư từ nguồn NS tinh cân đối	1.230	1.230		2.492	2.492		203	203	
-	Chi đầu tư từ nguồn khác	0			0					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật	0			0					
3	Chi đầu tư phát triển khác	5.099	5.099		710	710		14	14	
II	Chi thường xuyên	129.079	109.339	19.740	136.559	114.833	21.726	106	105	110
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	63.012	62.787	225	63.197	62.972	225	100	100	100
2	Chi khoa học và công nghệ									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									

9d

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2021	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
V	Dự phòng ngân sách	3.013	2.628	385				0	0	0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0								
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	33.605	32.940	665	23.299	19.276	4.023	69	59	605
I	Chi các CT mục tiêu quốc gia	0	0	0	50	50	0			
-	Chương trình XDNTM	0	0	0	50	50				
-	Chương trình xóa đói giảm nghèo	0	0	0	0					
II	Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ	33.605	32.940	665	23.249	19.226	4.023	69	58	605
-	KP phục vụ cho vận hành Tabmis	200	200		200	200		100	100	
-	Mua sắm trang thiết bị các cơ quan, đơn vị, phường, xã (đã trừ KP xây dựng tiêu chuẩn ISO)	400	120	280	400	120	280	100	100	100
-	Hỗ trợ địa phương thực hiện thực hiện các nhiệm vụ không cần đối đủ nguồn	4.500	4.500		4.500	3.820	680	100	85	
-	Hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn thanh lý tài sản	24.000	24.000		0	0	0	0	0	
-	Hỗ trợ XD thị xã XD đô thị loại 3	2.000	2.000		2.000	1.200	800	100	60	
-	Hỗ trợ công tác chính trị đô thị	1.000	950	50	1.000	868	132	100		
-	KP hoạt động tăng thêm của ban TTNN	5		5	5		5	100		
-	Hỗ trợ KP thực hiện chế độ chi tiêu của HĐND các cấp theo NQ 02/2017/NQ-HĐND	350	350		350	350		100	100	
-	Hỗ trợ hoạt động khu di tích quốc gia Thành Cổ	400	400		400	400				
-	Hỗ trợ hđ thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn	500	420	80	500	420	80			
-	KP hỗ trợ khác phục bão lụt năm 2020	0			3.171	2.360	811			
-	KP sửa chữa các trường học	0			2.000	2.000				
-	Kinh phí hỗ trợ các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh dịch tả lợn Châu Phi	0			29		29			

2d

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Bao gồm		Ước thực hiện năm 2021	Bao gồm		So sánh (%)			
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	
-	Hỗ trợ lại suất vay khôi phục đàn lợn sau dịch tả Châu Phi	0			35						
-	KP chi trả cho đối tượng BTXH	0			2.500			2.500			
-	Phụ cấp đối với nhân viên, CTV thú y và khuyến nông năm 2018	250		250	250				250		
-	Kinh phí thực hiện chính sách điện hộ nghèo năm 2018	0			39			39			
-	KP thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	0			195				195		
-	KP thực hiện chính sách miễn, giảm học phí	0			242			242			
-	KP hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-4 tuổi	0			29			29			
-	KP hỗ trợ học tập theo Thông tư 42	0			24			24			
-	KP hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực				126				126		
	Bổ trí vốn đối ứng Dự án LRAMP 2018				387			387			
	KP bổ sung nguồn vốn hoạt động HTX kiểu mới				20				20		
	KP thực hiện công tác tiếp nhận, cách ly công dân phòng chống bệnh Covid- 19				2.423			2.423			
	KP hỗ trợ bầu cử QH và HĐND				930			350	580		
	KP hỗ trợ điển tập khu vực phòng thủ				500			500			
-	KP hỗ trợ lễ phát động tết trồng cây	0			988			988			
-	KP hỗ trợ nộp BHXH cho GV mầm non	0			6			6			
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU	0			59.798			54.685	5.113		

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số 295.../BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	201.368	269.589	68.221	134
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NS XÃ	17.259	23.879	6.620	138
B	CHI NS CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	184.109	191.025	6.916	104
I	Chi đầu tư phát triển	66.696	56.916	-9.780	85
1	Chi đầu tư cho các dự án	57.903	53.649	-4.254	93
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	778	1.623	845	209
-	Chi khoa học và công nghệ			0	
-	Chi quốc phòng			0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0		0	
-	Chi y tế, dân số và gia đình			0	
-	Chi văn hóa thông tin	900	820	-80	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			0	
-	Chi thể dục thể thao			0	
-	Chi bảo vệ môi trường	2.744	1.553	-1.191	57
-	Chi các hoạt động kinh tế	49.481	47.035	-2.446	95
-	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	4.000	2.618	-1.382	65
-	Chi bảo đảm xã hội		0	0	
-	Chi đầu tư khác	0	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN theo quy định của pháp luật		0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	8.793	3.267	-5.526	37
II	Chi thường xuyên	114.785	134.109	19.324	117
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	62.787	65.272	2.485	104
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	1.276	6.434	5.158	504
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	777	1.077	300	139
-	Chi y tế, dân số và gia đình	403	403	0	100
-	Chi văn hóa thông tin	1.774	2.336	562	132
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	651	651	0	100
-	Chi thể dục thể thao	300	250	-50	83
-	Chi bảo vệ môi trường	8.493	8.804	311	104
-	Chi các hoạt động kinh tế	7.272	13.331	6.059	183
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.951	27.802	1.851	107
-	Chi bảo đảm xã hội	4.681	7.229	2.548	154
-	Chi thường xuyên khác	420	520	100	124
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Dự phòng ngân sách	2.628	0	0	
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	54.685	54.685	

2d

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
(Kèm theo báo cáo số 295/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)



Đơn vị tính triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2021						Thực hiện năm 2021						So sánh(%)			
		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Tổng số	
		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Tổng số	Trong đó chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/1	12=7/2	13=8/3	14=9/4	15=10/5	
	TỔNG SỐ	20.790	0	0	20.790	225	28.332	2.583	0	25.749	225	136			124	100	
1	Phường 1	3.970	0	0	3.970	45	6.495	2.024		4.471	45	164			113	100	
2	Phường 2	4.240	0	0	4.240	45	5.091	387		4.704	45	120			111	100	
3	Phường 3	4.655	0	0	4.655	45	5.093	0		5.093	45	109			109	100	
4	Phường An Đôn	3.700	0	0	3.700	45	4.946	172		4.774	45	134			129	100	
5	Xã Hải Lệ	4.165	0	0	4.165	45	6.707	0		6.707	45	161			161	100	
6	Quý lương bc chưa tuyển, nâng lương trước thời hạn	60	0	0	60		0								0		

Ghi chú : (1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Theo quy định tại Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2021

(Kèm theo báo cáo số **2.9.5**.../BC-UBND ngày **16**. tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên quỹ	Số dư nguồn đến ngày 31/12/2020	Kế hoạch năm 2021				Ước thực hiện năm 2021				Số dư nguồn đến 31/12/2021
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm 2021	Tổng nguồn vốn		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSĐP			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSĐP			
A	B	1	2	3	4	5=1+2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	516,0	170		400	-230	183	0	80	619,0	619,0
2	Quỹ vì người nghèo	82,8	300	10	300	0	687	10	600	87	169,8
3	Quỹ CDF	231,2				0	4,8		0	4,8	236,0
4	Vốn ủy thác qua NHCSXH	0,0	400	400	400	0	400	400	400	0	0,0
5	Quỹ hỗ trợ Hội nông dân	0,0	100	100	100	0	100	100	100	0	0,0

Wd

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2021
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN)**

(Kèm theo báo cáo số 295 /BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	6.357	6.481	102
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	2.737	2.833	104
	MN Thành Cổ	475	399	84
	MN Hoa mai	206	199	97
	MN Hương Sen	245	229	93
	MN Hoa Hồng	134	134	100
	MN Hoa Phượng	102	101	99
	THCS Thành Cổ	770	777	101
	TH&THCS Lương Thế Vinh	287	320	111
	TH & THCS Nguyễn Tất Thành	129	132	102
	TH & THCS Lý Tự Trọng	217	342	158
	TH & THCS Hải Lệ	70	82	117
	TT GDNN -GDTX	102	118	116
2	Sự nghiệp kinh tế	1.870	2.108	113
	Ban Quản lý Chợ	1.870	2.108	113
3	Sự nghiệp y tế	0	0	
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	100	40	40
	TT VH TT-TD TT	100	40	40
5	Quản lý nhà nước	50	227	454
	Phòng QLĐT	0	162	
	Nhà Văn hóa thiếu nhi	50	65	130
6	Sự nghiệp Môi trường	1.650	1.500	91
	Cty CP công trình MT Đô thị	1.650	1.500	91

2d

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số ...235..... /BC-UBND ngày 16...tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Bao gồm		Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được			Nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	Nguồn thị xã bổ sung có mục tiêu	
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7 =8+9	8	9	10=2+6+7
	TỔNG SỐ	7.005,0	3.860,5	80,0	6.925,0	3.780,5	16.433,5	1.423,0	205,0	1.218,0	21.717,0
1	Phường 1	1.285	710,0	5,0	1.280,0	705,0	3.236,8	263,0		263,0	4.209,8
2	Phường 2	2.550	1.356,5	10,0	2.540,0	1.346,5	2.726,4	287,0		287,0	4.369,9
3	Phường 3	2.385	1.293,0	10,0	2.375,0	1.283,0	3.376,6	319,0	30	289,0	4.988,6
4	Phường An Đôn	500	283,5	5,0	495,0	278,5	3.254,9	190,0	30	160,0	3.728,4
5	Xã Hải Lệ	285	217,5	50,0	235,0	167,5	3.738,8	364,0	145	219,0	4.320,3
6	Dự phòng Quỹ lương biên chế chưa tuyển, nâng lương trước thời hạn		0,0				100,0				100,0



Biểu mẫu số 40

**TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH
CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

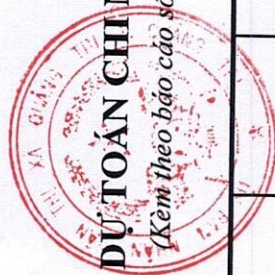
(Kèm theo báo cáo số 295...../BC-UBND ngày 16.....tháng 12 năm 2021 của
UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: %

STT	Chi tiết theo sắc thuế	Cấp xã	
		Phường	Xã
A	B	1	2
1	Thuế GTGT thu từ DN ngoài quốc doanh	50	70
2	Thuế sử dụng đất phi NN	100	100
3	Thuế SD đất NN	100	100
4	Thuế Thu nhập cá nhân		
-	<i>Thu từ Hộ kinh doanh</i>	50	70
-	<i>Thu từ chuyển nhượng BĐS</i>	50	50
5	Thu phí, lệ phí		
-	<i>LP Môn bài</i>	50	70
-	<i>Phí khác</i>	100	100
6	Lệ phí trước bạ		
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70	70
-	Lệ phí trước bạ còn lại	0	0
7	Thu khác	100	100
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	100	100
9	Thu các khoản đóng góp	100	100
10	Thu kết dư	100	100
11	Thu chuyên nguồn	100	100

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TÙNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số 2.95..... /BC-UBND ngày 16...tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương										Chi chương trình mục tiêu		
		Tổng chi NS địa phương	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Tổng số	Bổ sung chi thường xuyên từ ngân sách tỉnh hỗ trợ	Bổ sung chi thường xuyên từ ngân sách TX hỗ trợ	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
					Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (2)							Trong đó
A	B	1=2+9+12	2=3+4+7+8	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	
	TỔNG SỐ	21.717,0	20.294,0	0,0	19.867,0	225,0	0,0	427,0	0,0	1.423,0	205,0	1.218,0	0,0	
1	Phường 1	4.209,8	3.946,8		3.866,8	45,0		80,0		263,0		263,0		
2	Phường 2	4.369,9	4.082,9		4.002,9	45,0		80,0		287,0		287,0		
3	Phường 3	4.988,6	4.669,6		4.562,6	45,0		107,0		319,0	30,0	289,0		
4	P. An Đón	3.728,4	3.538,4		3.458,4	45,0		80,0		190,0	30,0	160,0		
5	Xã Hải Lệ	4.320,3	3.956,3		3.876,3	45,0		80,0		364,0	145,0	219,0		
6	Dự phòng Quỹ lương biên chế chưa tuyển, nâng lương trước thời hạn	100,0	100,0		100,0	0,0		0,0		0,0				

Ghi chú : (1) Chi ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chi ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH
TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số 295...../BC-UBND ngày 16...tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Hỗ trợ từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu	Hỗ trợ từ nguồn TX bổ sung có mục tiêu	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1 = 2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	1.423	205	1.218	0
1	Phường 1	263	0	263,0	
2	Phường 2	287	0	287,0	
3	Phường 3	319	30	289,0	
4	P. An Đôn	190	30	160,0	
5	Xã Hải Lệ	364	145	219,0	

Ghi chú : (1) Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh chi tiết đến từng huyện. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.